Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai
Email: ubndtinh@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Thời gian ký: 23.07.2021 16:39:45 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 433/QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 23 tháng 7 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện "Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Trồng trọt năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-BNN-TT ngày 02/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 187/TTr-SNNPTNT ngày 12/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện "Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông; Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Gia Lai; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện Đak Đoa, Ia Grai, Chư Prông; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Kpă Thuyên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện "Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh Gia Lai

(Kèm theo Quyết định số 433 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-BNN-TT ngày 02/4/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phê duyệt Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện "Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021-2030" trên địa bàn tỉnh với những nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ ĐẶC SẢN

1. Khái quát chung về sản xuất cà phê Gia Lai

Gia Lai là tỉnh có diện tích cà phê lớn thứ 4 trong cả nước, diện tích bằng 14%, sản lượng bằng 14,6% cả nước[1]. Cà phê là một trong những cây trồng chủ lực của Gia Lai, được trồng ở 10/17 địa phương trong tỉnh, với tổng diện tích hiện có gần 97.400 ha, trong đó có trên 87.900 ha cho sản phẩm. Năm 2020, tổng sản lượng cà phê của tỉnh đạt 254.439 tấn; giá trị sản xuất cà phê đạt gần 6.837,54 tỷ đồng *(theo giá so sánh năm 2010),* chiếm 27,2% tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt của tỉnh[2]. Trên địa bàn tỉnh hiện có 04 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê[3] và 99 cơ sở thu mua, sơ chế, chế biến cà phê *(trong đó có 47 cơ sở chế biến cà phê bột, hạt rang và hòa tan).* Sản phẩm cà phê là mặt hàng nông sản xuất khẩu chính của tỉnh, kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 298 triệu USD, chiếm gần 51,4% tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nông sản hàng hóa của tỉnh[4].

Trong những năm qua, sản xuất cà phê đã góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho hàng trăm ngàn lao động trực tiếp và gián tiếp, đồng thời là sinh kế của nhiều hộ gia đình ở khu vực nông thôn, trong đó có một bộ phận không nhỏ là bà con đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Tuy nhiên, tình hình sản xuất cà phê của các địa phương trong tỉnh còn nhiều khó khăn, sản xuất phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế để đem lại chất lượng cà phê tốt nhất, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê của tỉnh ở thị trường trong nước và xuất khẩu.

2. Thực trạng sản xuất cà phê đặc sản

Cà phê đặc sản là sản phẩm cà phê từ vùng trồng có điều kiện tự nhiên cùng với quy trình chăm sóc, thu hoạch, chế biến đặc biệt, khi thử nếm có hương vị riêng và đạt từ 80 điểm trở lên theo tiêu chuẩn và quy trình đánh giá của Hiệp hội cà phê đặc sản thế giới (SCA) và Viện chất lượng cà phê thế giới (CQI). Sự ra đời của Tổ chức Hiệp hội cà phê

---

[1] Ghi chú: Năm 2020, diện tích cà phê cả nước đạt 695.500 ha; sản lượng đạt 1.742.800 tấn.

[2] Giá trị sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Gia Lai năm 2020 đạt 25.129,162 tỷ đồng.

[3] Doanh nghiệp xuất khẩu cà phê có 04 đơn vị: Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Công ty TNHH XNK Hoa Trang, Công ty TNHH Trung Hiếu, Công ty TNHH Thương mại và chế biến Louis Dreyfus Company Việt Nam.

[4] Kim ngạch xuất khẩu nông sản của tỉnh Gia Lai năm 2020 đạt 580 triệu USD.

đặc sản và sự phát triển mạnh mẽ cà phê đặc sản ở nhiều quốc gia và khu vực tiêu thụ chính (Mỹ, Nhật, Châu Âu, Hàn Quốc…) cho thấy đây là xu hướng thời thượng và là thị trường đầy tiềm năng mà cà phê Gia Lai nói riêng, cà phê Việt Nam nói chung có thể tham gia.

Ở Việt Nam, trong những năm gần đây các tỉnh Tây Nguyên, Quảng Trị và Sơn La đã phát triển sản xuất cà phê đặc sản. Tuy nhiên, mới chỉ có một số cá nhân và doanh nghiệp tham gia, với quy mô nhỏ, tự phát và rải rác, không tập trung. Năm 2020, diện tích cà phê đặc sản cả nước có khoảng 2.246,5 ha, trong đó tỉnh có diện tích cà phê đặc sản lớn nhất là tỉnh Đắk Lắk (1.317 ha), tiếp đến là tỉnh Lâm Đồng (451 ha), tỉnh Gia Lai (214,5 ha), tỉnh Sơn La (97 ha), tỉnh Đắk Nông (86 ha), tỉnh Kon Tum (73 ha) và tỉnh Quảng Trị (8 ha).

Đối với Gia Lai khi nhắc tới cà phê, người ta thường nghĩ ngay đến cà phê Robusta[5]. Loại cà phê này được mệnh danh là "Chiến binh rô bốt" với chất lượng được các chuyên gia đánh giá cao, có hương vị đặc trưng riêng, được nhiều người tiêu dùng biết đến và được ưa chuộng tại nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là Mỹ, Nhật, Hàn Quốc và các nước EU. Điều đặc biệt để "định vị" cà phê Robusta Gia Lai chính là lượng cafein vượt trội so với cà phê cùng loại trồng ở các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên.

Trong những năm gần đây, bên cạnh việc đẩy mạnh sản xuất cà phê sạch theo tiêu chuẩn thực hành nông nghiệp tốt để nâng cao chất lượng, giá trị cho sản phẩm cà phê nhân xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp trong tỉnh đã chú trọng đầu tư xây dựng mạng lưới sản xuất, chế biến cà phê bền vững và một phần sản phẩm cà phê đặc sản, luôn cố gắng tạo ra những sản phẩm cà phê chất lượng cao nhằm thâm nhập vào các thị trường có tiềm năng trong nước và xuất khẩu, điển hình là cà phê Thu Hà, cà phê Tamba, Classic Coffee, L'amant Café ... đã có mặt ở khắp các tỉnh thành trong nước và bước đầu đã xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Mỹ, EU, Nhật Bản. Đặc biệt sản phẩm L'amant Café của Công ty TNHH Vĩnh Hiệp là sản phẩm của nông trại cà phê hữu cơ đầu tiên tại Việt Nam đạt chứng nhận Organic của Tổ chức USDA - Hoa Kỳ và sự hiện diện của L'amant Café tại Hội nghị cấp cao APEC Việt Nam 2017, là cơ hội lớn và là tiền đề để cà phê đặc sản Gia Lai đến với bạn bè quốc tế.

Dự báo trong thời gian tới, tình hình xuất khẩu cà phê sẽ tiếp tục tăng nhờ những chính sách mở cửa của thị trường, tác động của FTA, đặc biệt là Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam. Những hiệp định này sẽ mở ra nhiều cơ hội để những "Chiến binh rô bốt" của Gia Lai có thể thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Do vậy, để nâng tầm cà phê Gia Lai trên thị trường quốc tế thì việc phát triển cà phê đặc sản để dần dắt nâng cao chất lượng cà phê Gia Lai, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị xuất khẩu, đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn cho các doanh nghiệp, nông dân trồng và sản xuất cà phê trong tỉnh là một yêu cầu cấp thiết trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

3. Hiệu quả kinh tế của sản xuất cà phê đặc sản

Theo kết quả điều tra, khảo sát của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn[6]: Chi phí sản xuất cho 01 ha trong thời kỳ kinh doanh của cà phê đặc sản trung bình cao hơn chi phí sản xuất cà phê thương mại khoảng trên 20%; với chi phí sản xuất trung bình cà phê thương mại khoảng 68,9 triệu đồng/ha/năm và cà phê đặc sản vào khoảng 83 triệu đồng/ha/năm. Về cơ cấu chi phí sản

---

[5] Cà phê Robusta có tên khoa học là Coffea robusta hay còn gọi là cà phê Vối.

[6] Nguồn: Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030.

xuất giữa hai loại hình sản xuất cũng có sự khác nhau rõ rệt, với cà phê thương mại chi phí vật tư và chi phí nhân công lao động với tỷ trọng tương ứng là 40,77% và 59,23%, trong khi đó cà phê đặc sản chi phí vật tư giảm mạnh còn khoảng 22,21% và chi phí nhân công lao động tăng lên tương ứng khoảng 77,79%.

Sự khác nhau giữa hai loại hình sản xuất chủ yếu là chuyển từ giảm tỷ lệ bón phân vô cơ sang bón phân hữu cơ và tăng lượng công chăm sóc, làm cỏ, bón phân, vét bồn và đặc biệt trong khâu thu hái. Với đặc điểm cà phê đặc sản yêu cầu thu hoạch quả chín trên 90% sau đó phân loại và lựa chọn để đảm bảo 100% quả chín, nên công lao động ở khâu này cũng chiếm tỷ trọng cao trong tổng chi phí sản xuất.

Đối với các hộ sản xuất và bán cà phê tươi: Các hộ sản xuất cà phê thương mại, bình quân có tổng chi phí đầu tư cho đến khi thu hoạch vào khoảng 59 triệu đồng/ha[7] và doanh thu bình quân đạt khoảng 94,5 triệu đồng/ha; lợi nhuận trung bình thu được khoảng 35 triệu đồng/ha. Trong khi đó, các hộ sản xuất cà phê đặc sản với quy trình sản xuất chặt chẽ hơn nên chi phí sản xuất cũng cao hơn cà phê thương mại khoảng 22,12% (bình quân khoảng 72,5 triệu đồng/ha), tổng doanh thu đạt được vào khoảng 110,7 triệu đồng, cao hơn khoảng 17,14% so với sản xuất thương mại. Do đó, lợi nhuận thu được chỉ cao hơn hình thức sản xuất thương mại khoảng 8,73%.

Đối với hộ sản xuất bán cà phê nhân: So với các hộ bán cà phê tươi, các hộ sản xuất đầu tư thêm trang thiết bị sơ chế và xay xát để sản xuất cà phê nhân. Tuy nhiên, đối với cà phê đặc sản quy trình sơ chế, chế biến và xay xát đòi hỏi kỹ thuật chặt chẽ hơn nên chi phí cũng cao hơn. Sản phẩm cà phê nhân sẽ gồm 3 loại là cà phê nhân đặc sản (khoảng 20 - 25%), cà phê nhân chất lượng cao (khoảng 40 - 50%), cà phê nhân xô (khoảng 25 - 40%). Chi phí trung bình cà phê đặc sản cao hơn so với cà phê thương mại khoảng 20,82%, trong khi giá bán cà phê nhân đặc sản và cà phê nhân chất lượng cao lại cao hơn nhiều so với giá cà phê thương mại nên tổng doanh thu mà người sản xuất thu được cao hơn khoảng 400%.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đảm bảo công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh được chủ động, đồng bộ, đạt mục tiêu, hiệu quả cao. Nhằm thúc đẩy ngành hàng cà phê Gia Lai phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh; bảo vệ môi trường sinh thái và tăng thu nhập cho các tác nhân tham gia chuỗi giá trị cà phê đặc sản Việt Nam.

- Khai thác và tận dụng các lợi thế về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thích hợp của từng vùng, từng địa phương để phát triển, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất cà phê đặc sản tập trung, đảm bảo nguyên liệu cà phê có chất lượng tốt nhất phục vụ cho hoạt động chế biến sâu sản phẩm cà phê đặc sản, đáp ứng nhu cầu ở các thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

2. Yêu cầu

- Phát triển cà phê đặc sản phải gắn với thị trường tiêu thụ (là phân khúc cao cấp, yêu cầu đặc thù, có giới hạn), đảm bảo nâng cao tính cạnh tranh, giá trị gia tăng và phân chia lợi nhuận hợp lý giữa các khâu trong chuỗi giá trị.

---

[7] Chi phí chỉ tính đầu tư cho đến khi thu hoạch, hái và bán cà tươi tại vườn - không tính chi phí vận chuyển, phơi, sấy, xay xát cà.

- Phát triển cà phê đặc sản phải gắn với việc quản lý chặt chẽ chất lượng đầu vào và đầu ra của sản phẩm; quản lý chặt chẽ các khâu trong chuỗi giá trị cà phê đặc sản nhằm hướng tới phát triển cà phê bền vững.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển cà phê đặc sản phù hợp với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, đáp ứng nhu cầu cà phê đặc sản ngày càng tăng ở các thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; từng bước nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh, nâng cao giá trị cà phê xuất khẩu, góp phần phát triển bền vững ngành hàng cà phê.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn 2021 - 2025

- Hình thành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản tại địa phương, xây dựng thương hiệu cà phê đặc sản Việt Nam.

- Ban hành Sổ tay hướng dẫn Quy trình sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh.

- Đến năm 2025, phát triển diện tích cà phê vối đặc sản Việt Nam khoảng 1.170 ha, chiếm khoảng 1,2% diện tích cà phê của tỉnh; sản lượng cà phê đặc sản khoảng 620 tấn.

b) Giai đoạn 2026 - 2030

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản tại địa phương, khẳng định thương hiệu cà phê đặc sản Việt Nam.

- Đến năm 2030, phát triển diện tích cà phê vối đặc sản Việt Nam khoảng 2.340 ha, chiếm khoảng 2,4% diện tích cà phê của tỉnh; sản lượng cà phê đặc sản khoảng 1.700 tấn.

(Chi tiết về định hướng phát triển diện tích và dự kiến sản lượng cà phê vối đặc sản tại các địa phương: Có Phụ lục I kèm theo).

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân về sản xuất, phát triển cà phê đặc sản

- Tổ chức quán triệt, phổ biến sâu rộng chủ trương, chính sách về phát triển sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn các xã được định hướng phát triển cà phê đặc sản để tạo sự đồng thuận, chung sức và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

- Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến quy trình sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam; các mô hình liên kết sản xuất cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị có hiệu quả và cơ chế chính sách phát triển cà phê đặc sản gắn với thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) của tỉnh.

2. Tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, lấy doanh nghiệp làm trung tâm

- Trên cơ sở mục tiêu và định hướng phát triển cà phê đặc sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh: Các địa phương, doanh nghiệp, hộ sản xuất căn cứ vào lợi thế về điều kiện sinh thái và

thị trường, xác định chi tiết vùng trồng cà phê đặc sản, ưu tiên giữ gìn và phát triển thành vùng nguyên liệu truyền thống sản xuất cà phê đặc sản.

- Khuyến khích các trang trại, hộ sản xuất hình thành tổ hợp tác/hợp tác xã nhằm liên kết với doanh nghiệp trong đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, thu mua nguyên liệu đầu vào, trao đổi kỹ thuật sản xuất, tiếp cận/chuyển giao khoa học công nghệ và ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cà phê đặc sản. Xây dựng, hình thành ít nhất 03 hợp tác xã sản xuất cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị kết nối các tác nhân trong ngành hàng, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong xây dựng và phát triển chuỗi giá trị cà phê đặc sản của tỉnh.

- Khuyến khích các doanh nghiệp rang xay, chế biến, tiêu thụ cà phê đặc sản đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, ký kết hợp đồng sản xuất với nông dân, hướng dẫn nông dân áp dụng quy trình sản xuất cà phê đặc sản và quan tâm đến phát triển thương hiệu, truy xuất nguồn gốc.

- Khuyến khích các doanh nghiệp, tổ hợp tác/hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân liên doanh, liên kết trực tiếp với các đối tác nước ngoài trong đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị, đặc biệt là khâu bảo quản, chế biến và tiêu thụ, xuất khẩu cà phê đặc sản.

- Nghiên cứu xây dựng phần mềm quản lý, mở rộng hệ thống cơ sở dữ liệu, giám sát vùng trồng cà phê đặc sản dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin.

- Đẩy mạnh liên kết 5 nhà: Nhà nông - Nhà khoa học - Nhà doanh nghiệp - Ngân hàng - Nhà nước trong nghiên cứu, ứng dụng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản.

- Hình thành Hội Cà phê đặc sản trực thuộc Hiệp hội Cà phê Gia Lai để làm cầu nối giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm cà phê đặc sản của tỉnh và kết nối Hiệp hội Cà phê đặc sản Việt Nam.

3. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến cà phê đặc sản

- Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, cải tạo đất để gìn giữ và duy trì tính chất lý hóa của đất; kiểm soát điều kiện đất đai, nguồn nước và các yếu tố khác để bảo vệ vùng trồng cà phê đặc sản.

- Tổ chức đánh giá, xác định bộ giống cà phê đặc sản phù hợp với điều kiện tự nhiên của các địa phương trồng cà phê đặc sản. Nghiên cứu ứng dụng có hiệu quả công nghệ sinh học trong chọn tạo, sản xuất thử nghiệm các giống cà phê năng suất, chất lượng cao, chống chịu sâu bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo cung ứng nguồn giống cà phê chất lượng cao phục vụ nhu cầu phát triển sản xuất cà phê đặc sản của người dân. Xây dựng, hoàn thiện quy trình canh tác, sơ chế, bảo quản và chế biến cà phê đặc sản.

- Đẩy mạnh ứng dụng vào sản xuất quy trình kỹ thuật canh tác, thu hái (đạt độ chín 100%), sơ chế, bảo quản đảm bảo chất lượng cà phê đặc sản có hương vị đặc trưng riêng, đáp ứng nhu cầu ở các thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Đẩy mạnh cơ khí hóa, tự động hóa trong chế biến; chế biến sâu sản phẩm, tăng thị phần cà phê rang xay (chủ yếu tiêu dùng nội địa) và cà phê hòa tan công nghệ hiện đại (sấy lạnh) để nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê đặc sản, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao ở các thị trường xuất khẩu.

4. Đào tạo nguồn nhân lực

- Đào tạo nhân lực, nâng cao nhận thức, kỹ năng cho người trồng cà phê đặc sản. Mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức về kỹ thuật canh tác, thu hái, thương mại, dịch vụ sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến, pha chế, kỹ năng quản lý kinh tế hộ, trang trại cho người sản xuất, doanh nghiệp, tổ hợp tác/hợp tác xã sản xuất, chế biến cà phê đặc sản.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, quản lý doanh nghiệp, quản lý sản xuất và công nhân kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng yêu cầu về quản lý sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến trong chế biến, pha chế và thử nếm, đánh giá sản phẩm cà phê đặc sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện cho những cán bộ kỹ thuật có trình độ cao đến làm việc tại các cơ sở, trung tâm nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chọn tạo giống, xây dựng quy trình kỹ thuật thâm canh, thu hái, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ tham gia quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nói chung và quản lý sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản, cà phê chất lượng cao nói riêng, đặc biệt là cán bộ quản lý cấp huyện, cấp xã về nghiệp vụ, kỹ năng trong tuyên truyền phổ biến pháp luật, trong giám sát, kiểm tra, xử phạt vi phạm quy định đảm bảo chất lượng vật tư nông nghiệp đầu vào cho sản xuất.

5. Xúc tiến thương mại, xây dựng nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng

- Tổ chức thực hiện tốt việc cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản cho các tác nhân trong chuỗi giá trị. Tăng cường kết nối giữa người sản xuất, chủ trang trại, tổ hợp tác/hợp tác xã và những nhà rang xay, chế biến, tiêu thụ cà phê đặc sản.

- Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng thương hiệu, quảng bá, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản; cũng như phát triển và khẳng định thương hiệu cà phê đặc sản Việt Nam ở các thị trường xuất khẩu và trong nước.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã khảo sát các thị trường trên thế giới và tham gia các cuộc thi, các hội chợ trong và ngoài nước nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác, quảng bá sản phẩm và mở rộng thị trường xuất khẩu cà phê đặc sản.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân đẩy mạnh việc: Chứng nhận sản phẩm cà phê đạt tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (VietGAP, 4C, UTZ, Organic…), Chứng nhận chất lượng cà phê đặc sản Việt Nam.

- Đẩy mạnh các hoạt động hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký chỉ dẫn địa lý, cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở chế biến và quản lý, phát triển nhãn hiệu mang địa danh, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam.

6. Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách đã ban hành: Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ; Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính phủ; Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ; Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 và các cơ chế,

chính sách hiện có của tỉnh về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiết kiệm nước; khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp…

- Nghiên cứu tham mưu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản tại địa phương đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, người dân đầu tư phát triển sản xuất cà phê đặc sản ứng dụng công nghệ cao; chế biến sâu sản phẩm cà phê đặc sản… đáp ứng nhu cầu ở các thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

7. Giải pháp về vốn đầu tư

- Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư hình thành các vùng trồng, xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam.

- Nguồn vốn: Vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, nguồn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Vốn ngân sách thông qua việc hỗ trợ nghiên cứu chọn tạo giống; xây dựng quy trình canh tác, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm cà phê đặc sản; chuyển giao khoa học công nghệ; đào tạo nguồn nhân lực; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường; xây dựng cơ sở vật chất cho các đơn vị nghiên cứu cà phê;… Ưu tiên lồng ghép những chính sách, dự án đang triển khai (Dự án Vn SAT, chính sách cho tái canh cà phê...) và các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kinh phí khoa học công nghệ, khuyến nông, các dự án ODA, chương trình khoa học công nghệ khác có liên quan và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai đồng bộ, toàn diện đảm bảo mục tiêu Kế hoạch đề ra.

- Quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch triển khai thực hiện "Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

V. NỘI DUNG, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

(Có Phụ lục II kèm theo).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là đơn vị đầu mối, chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng nhãn hiệu mang địa danh, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam; hướng dẫn, hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp cho sản phẩm cà phê đặc sản của doanh nghiệp, tổ hợp tác/hợp tác xã, cá nhân tại các địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, trang trại, tổ hợp tác/hợp tác xã tổ chức sản xuất cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng đầu vào, đầu ra của sản phẩm cà phê đặc sản.

- Hỗ trợ các tác nhân trong chuỗi giá trị cà phê đặc sản quảng bá, tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản trong nước, cũng như xuất khẩu ra thị trường thế giới.

- Theo dõi, kiểm tra và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện "Đề án phát triển cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030" trên địa bàn tỉnh, căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh, đề xuất Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ sung các địa điểm phù hợp để phát triển cà phê đặc sản Việt Nam.

2. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, đề xuất các đề tài, dự án khoa học để hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp chế biến cà phê đặc sản đầu tư đổi mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch, thân thiện môi trường.

- Hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời trong việc xác lập, quản lý, phát triển sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp; áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong lĩnh vực chế biến, bảo quản cà phê đặc sản.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành và địa phương xây dựng, quản lý, phát triển nhãn hiệu mang địa danh, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê đặc sản tại Việt Nam và nước ngoài.

- Tập trung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản; các yếu tố để phát triển sản xuất cà phê đặc sản hiệu quả và bền vững.

3. Sở Công Thương

- Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan kết nối các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có mặt hàng cà phê đạt chất lượng tham gia các chương trình xúc tiến thương mại như: Quảng bá, giới thiệu các sản phẩm cà phê đặc sản tham gia các sự kiện quan trọng và các hội chợ triển lãm thương mại tổ chức trong tỉnh. Kết nối cung cầu hàng hóa với thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và các tỉnh, thành phố trong cả nước để trưng bày, giới thiệu các sản phẩm cà phê đặc sản.

- Kết hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc các Bộ, ngành Trung ương, các Tham tán thương mại… kịp thời cập nhật, cung cấp thông tin thị trường nhằm hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu cà phê đặc sản.

- Xây dựng và phát triển các nhiệm vụ khuyến công để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến cà phê đặc sản.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan triển khai thực hiện hiệu quả Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản;

chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tổng hợp, cân đối, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách hỗ trợ Kế hoạch phát triển cà phê đặc sản theo quy định.

5. Sở Tài chính

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán cho năm sau, căn cứ khả năng ngân sách tỉnh và dự toán do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị liên quan xây dựng đúng quy định: Sở Tài chính kiểm tra, tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo phân cấp quản lý ngân sách Nhà nước hiện hành.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ngành, đơn vị, địa phương liên quan và các doanh nghiệp chế biến sâu sản phẩm cà phê xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động kỹ thuật và nông dân trồng cà phê đạt trình độ phù hợp với sản xuất, chế biến cà phê đặc sản; đảm bảo cung ứng nguồn nhân lực kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến trong chế biến, pha chế và thử nếm, đánh giá sản phẩm cà phê đặc sản.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền Kế hoạch.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí hoạt động trên địa bàn tỉnh và hệ thống thông tin cơ sở thường xuyên thông tin, tuyên truyền, phổ biến: Quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê đặc sản; các mô hình liên kết sản xuất cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị có hiệu quả; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản…

8. Ủy ban nhân dân các huyện Đak Đoa, Ia Grai, Chư Prông

- Tổ chức rà soát, xác định vùng sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam ở từng địa bàn thôn, xã đã định hướng phát triển, gắn với việc tổ chức sản xuất cà phê đặc sản theo hình thức liên kết chuỗi giá trị bền vững; xây dựng, hình thành các vùng chuyên canh sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam tập trung, đảm bảo nguyên liệu cà phê có chất lượng tốt nhất phục vụ cho hoạt động chế biến sâu sản phẩm cà phê đặc sản, đáp ứng nhu cầu ở các thị trường xuất khẩu và tiêu thụ trong nước.

- Trên cơ sở Kế hoạch này, Ủy ban nhân dân các huyện tiến hành xây dựng kế hoạch cụ thể; vận dụng linh hoạt, sáng tạo, lồng ghép các chương trình, dự án, chủ trương, chính sách hiện có của Trung ương, của tỉnh và chủ động bố trí kinh phí phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch trên địa bàn.

- Tổ chức, quản lý và nâng cao năng lực của các hộ nông dân sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam trên địa bàn. Mỗi địa phương hỗ trợ xây dựng, hình thành 01 - 02 hợp tác xã sản xuất cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị, lấy doanh nghiệp làm trung tâm trong xây dựng và phát triển chuỗi giá trị cà phê đặc sản tại địa phương.

- Có kế hoạch mời gọi, khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp rang xay, chế biến, tiêu thụ cà phê đặc sản trong và ngoài tỉnh đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu, ký kết hợp đồng sản xuất với nông dân, hướng dẫn nông dân áp dụng quy trình sản xuất cà phê đặc sản và đầu tư xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký chỉ dẫn địa lý, mã số vùng trồng, mã số cơ

sở chế biến các sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam gắn với thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP) của tỉnh.

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp trên địa bàn theo phân công, phân cấp; đặc biệt chú trọng đến loại hình kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và giám sát chất lượng đầu vào, đầu ra của sản phẩm cà phê đặc sản.

- Phối hợp với Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tích cực tổ chức các hoạt động tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người trồng cà phê thực hành sản xuất theo quy trình kỹ thuật sản xuất cà phê đặc sản và tiêu chuẩn nông nghiệp tốt (VietGAP, 4C, UTZ, Organic...).

9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, tiếp thị tiêu thụ cà phê đặc sản

- Hộ nông dân: Thực hiện chặt chẽ quy trình canh tác, thu hái, sơ chế, bảo quản cà phê đặc sản được cấp có thẩm quyền ban hành, chuyển giao.

- Doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu cà phê:

+ Thực hiện sơ chế, chế biến theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sản phẩm, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và giữ đúng được hương vị, chất lượng sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam.

+ Phối hợp với các cơ quan quản lý xúc tiến thương mại, quảng bá phát triển thị trường cà phê đặc sản đến người tiêu dùng trong và ngoài nước.

+ Nắm bắt thông tin thị trường, quy định pháp lý, tiêu chí, tiêu chuẩn của nước nhập khẩu và thị trường tiêu thụ trong nước để cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ người sản xuất thực hiện đảm bảo yêu cầu.

+ Chủ động xây dựng mối liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam theo chuỗi giá trị bền vững; đầu tư ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến sâu sản phẩm cà phê đặc sản, tạo ra những thương phẩm có giá trị gia tăng lớn gắn với việc xây dựng và triển khai ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm để nâng cao khả năng cạnh tranh sản phẩm cà phê đặc sản trên thị trường trong nước và thế giới.

10. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Gia Lai

Chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng Nhân dân trên địa bàn: Căn cứ nhu cầu vay vốn của các dự án phát triển sản xuất cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị được phê duyệt, ưu tiên đầu tư vốn tín dụng cho các dự án.

11. Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh, Hội Nữ doanh nhân tỉnh

- Tham gia phối hợp với các sở, ngành, địa phương thực hiện một số nội dung liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Tuyên truyền, vận động các hợp tác xã và hướng dẫn các doanh nghiệp thành viên Hiệp hội liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm với người sản xuất tại các vùng cà phê đặc sản Việt Nam; tham gia tích cực và có hiệu quả trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

- Vận động thành lập Hội Cà phê đặc sản thuộc Hiệp hội Cà phê Gia Lai để làm cầu nối giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm cà phê đặc sản và kết nối với Hiệp hội Cà phê đặc sản Việt Nam.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về Marketing cho các doanh nghiệp và hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh cà phê đặc sản.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Chỉ đạo, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ) các cấp phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn các địa phương phát triển cà phê đặc sản Việt Nam để tạo sự đồng thuận, chung sức và quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện. Đồng thời, lồng ghép với các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận và các đoàn thể chủ trì để phối hợp thực hiện và giám sát trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chức năng, nhiệm vụ có liên quan, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện Đak Đoa, Ia Grai, Chư Prông và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch; định kỳ hàng quý (trước ngày 15 của tháng cuối quý) và báo cáo năm (trước ngày 05 tháng 11 hàng năm) gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo đúng quy định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời./.

Phụ lục I

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DIỆN TÍCH VÀ DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VỐI ĐẶC SẢN TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Chỉ tiêu	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)						
				Tổng	Đặc sản	Tỷ lệ (%)	Chất lượng cao	Tỷ lệ (%)	Thương mại	Tỷ lệ (%)
Giai đoạn 2021-2025		**1.170**	**26,5**	**3.105**	**620**	**20**	**1.242**	**40**	**1.243**	**40**
1	**Đak Đoa**	**360**	**26,0**	**936**	**187**	**20**	**374**	**40**	**375**	**40**
-	Xã Đăk Krong	150	26,0	390	78	20	156	40	156	40
-	Xã Hà Bầu	210	26,0	546	109	20	218	40	219	40
2	**Ia Grai**	**450**	**25,0**	**1.125**	**225**	**20**	**450**	**40**	**450**	**40**
-	Xã Ia Bă	250	25,0	625	125	20	250	40	250	40
-	Xã Ia Yok	200	25,0	500	100	20	200	40	200	40
3	**Chư Prông**	**360**	**29,0**	**1.044**	**208**	**20**	**418**	**40**	**418**	**40**
-	Xã Bàu Cạn	130	29,0	377	75	20	151	40	151	40
-	Xã Ia Phìn	230	29,0	667	133	20	267	40	267	40
Giai đoạn 2026-2030		**2.340**	**29,5**	**6.912**	**1.729**	**25**	**3.456**	**50**	**1.727**	**25**
1	**Đak Đoa**	**720**	**29,0**	**2.088**	**523**	**25**	**1.044**	**50**	**521**	**25**
-	Xã Đăk Krong	300	29,0	870	218	25	435	50	217	25
-	Xã Hà Bầu	420	29,0	1.218	305	25	609	50	304	25
2	**Ia Grai**	**900**	**28,0**	**2.520**	**630**	**25**	**1.260**	**50**	**630**	**25**
-	Xã Ia Bă	500	28,0	1.400	350	25	700	50	350	25
-	Xã Ia Yok	400	28,0	1.120	280	25	560	50	280	25
3	**Chư Prông**	**720**	**32,0**	**2.304**	**576**	**25**	**1.152**	**50**	**576**	**25**
-	Xã Bàu Cạn	260	32,0	832	208	25	416	50	208	25
-	Xã Ia Phìn	460	32,0	1.472	368	25	736	50	368	25

Phụ lục II

NHIỆM VỤ CỤ THỂ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN CÀ PHÊ ĐẶC SẢN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Tuyên truyền, quán triệt, phổ biến, triển khai thực hiện Đề án và Kế hoạch tại địa phương	UBND các huyện Đak Đoa, Ia Grai, Chư Prông	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan	Năm 2021 và thường xuyên	
2	Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển cà phê đặc sản Việt Nam trên địa bàn giai đoạn 2021 - 2030 và hàng năm	UBND các huyện Đak Đoa, Ia Grai, Chư Prông	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	Năm 2021 và hàng năm	
3	Xây dựng vùng sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam tập trung, các mô hình, dự án chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm cà phê đặc sản	UBND các huyện Đak Đoa, Ia Grai, Chư Prông	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	Năm 2021 và hàng năm	
4	Xây dựng, hình thành ít nhất 03 hợp tác xã sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam theo chuỗi giá trị kết nối các tác nhân trong ngành hàng	UBND các huyện Đak Đoa, Ia Grai, Chư Prông	Các sở, ngành, Liên minh HTX tỉnh, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan	Năm 2021-2022	Mỗi địa phương xây dựng, hình thành ít nhất 01 HTX
5	Xây dựng tài liệu tuyên truyền, phổ biến quy trình sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam; các mô hình liên kết sản xuất cà phê đặc sản theo chuỗi giá trị có hiệu quả và cơ chế chính sách phát triển cà phê đặc sản gắn với thực hiện Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" (OCOP).	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	
6	Ban hành Sổ tay hướng dẫn Quy trình sản xuất cà phê đặc sản Việt Nam trên địa bàn tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Năm 2021-2022	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
7	Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ khuyến nông phát triển sản xuất cà phê đặc sản bền vững	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	Các mô hình sản xuất cà phê đặc sản
8	Tham mưu, đề xuất ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển cà phê đặc sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Năm 2021 - 2022	
9	Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến cà phê đặc sản; các yếu tố để phát triển sản xuất cà phê đặc sản hiệu quả và bền vững	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, doanh nghiệp	Hàng năm	Thông qua các đề tài, dự án khoa học
10	Xây dựng và triển khai Kế hoạch xây dựng, quản lý, phát triển nhãn hiệu mang địa danh, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cà phê đặc sản Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, doanh nghiệp	Năm 2021	
11	Hướng dẫn việc xác lập, quản lý, phát triển sở hữu công nghiệp cho các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp; áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm trong lĩnh vực chế biến, bảo quản cà phê đặc sản	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	
12	Xây dựng và triển khai Kế hoạch xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu các sản phẩm cà phê đặc sản giai đoạn 2021 - 2030 và hàng năm	Sở Công Thương	Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Năm 2021 và hàng năm	
13	Xây dựng, triển khai các nhiệm vụ khuyến công về công nghiệp chế biến, bảo quản cà phê đặc sản	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	Các mô hình chế biến, bảo quản cà phê đặc sản

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Ghi chú
14	Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện có hiệu quả việc lồng ghép các chương trình, dự án và các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách để triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Tài chính; các sở, ngành và địa phương có liên quan	Hàng năm	
15	Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động kỹ thuật và nông dân trồng cà phê đạt trình độ phù hợp với sản xuất, chế biến cà phê đặc sản; đảm bảo cung ứng nguồn nhân lực kỹ thuật trình độ cao để đáp ứng yêu cầu vận hành các dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến trong chế biến, pha chế và thử nếm, đánh giá sản phẩm cà phê đặc sản	Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	
16	Tổ chức các khóa bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về Marketing cho các doanh nghiệp và hợp tác xã sản xuất, chế biến, kinh doanh cà phê đặc sản	Liên minh Hợp tác xã tỉnh	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp có liên quan	Hàng năm	
17	Vận động thành lập Hội Cà phê đặc sản thuộc Hiệp hội Cà phê Gia Lai để làm cầu nối giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm cà phê đặc sản của tỉnh và kết nối với Hiệp hội Cà phê đặc sản Việt Nam	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	Các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu cà phê đặc sản	Năm 2021 - 2022	